

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 172/2024/HN-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Minh;

+ Ông Nguyễn Văn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 55/2024/TLST-HN ngày 26/02/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn **LÊ THỊ KIM T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **NGUYỄN VĂN N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:* chị và anh N cưới nhau vào năm 1989 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Điền. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và không lo cho vợ con. Chị và anh N không còn chung sống với nhau từ năm 2001 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh Nết tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Điền. Nay chị T xin ly hôn với anh N nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn N trú tại địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T xin ly hôn với anh N do do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và không lo cho vợ con. Chị T và anh N không còn chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay, trong thời gian này chị T và anh N đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, chứng tỏ anh N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 277 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim T.

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[2] Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013219 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Điện;
- Nông sở;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên

